

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 5 - 2022

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Viết Tú

Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 10, xã Đ T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn M ngày 21/4/2014, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ L (nay là xã Đ T), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, tình cảm thời gian đầu hòa thuận, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không còn tình cảm, không hiểu nhau phát sinh những bất đồng và bạo lực gia đình. Từ tháng 02/2019, chị cùng hai con đã về nhà bố mẹ đẻ tại khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ sinh sống. Hai bên sống ly thân không còn thăm hỏi hay quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 09/7/2015 và cháu Lê Hoàng V1, sinh ngày 20/10/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Lê Văn M đến làm việc và thông báo đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do.**

Tòa án làm việc cùng anh Lê Ngọc V2 là anh trai của anh M cho biết:

anh M và chị Q kết hôn năm 2014, sau khi kết hôn anh M ra ở riêng sau đó về nhà ngoại ở Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy sinh sống. anh M hiện nay sinh sống tại địa phương, làm công việc tự do, do bận công việc nên không đến Tòa án tham gia giải quyết, các văn bản tố tụng của Tòa án đã được anh điều nhận và thông báo, giao cho anh M. Anh đã trao đổi, liên lạc với anh M về việc chị Q đề nghị ly hôn thì quan điểm anh M là đồng ý ly hôn với chị Q nhưng xin nuôi một con chung. Vợ chồng có 02 con chung, hiện nay cả hai cháu đã về nhà ngoại sinh sống cùng chị Q.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ T và Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ T, xác định: anh M và chị Q đăng ký kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã Đ L (nay là xã Đ T), huyện Thanh Thủy, vợ chồng có 02 con chung. Quá trình vợ chồng chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, chị Q cùng 2 con đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh M đi làm công việc tự do. Hai bên sống ly thân, nay chị Q xin ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ và trẻ em.

****Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q, xử cho chị được ly hôn anh Lê Văn M.

Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 09/7/2015 và cháu Lê Hoàng V1, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 5/2022 cho đến khi các cháu thành niên; anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh M về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo hợp lệ cho anh M đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh M đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả thể hiện anh M mặc dù có đi làm ăn nhưng vẫn sinh sống tại Khu 10, xã Đ T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

chị Q có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; anh M vắng mặt tại các phiên tòa; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1]Về quan hệ hôn nhân: chị Q kết hôn với anh M vào ngày 21/4/2014 việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đ L(nay là xã Đ T), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Q và anh M xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân, chị Q đã về sinh sống với bố, mẹ đẻ cũng tại khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh M. Quá trình giải quyết anh M đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia hòa giải. Anh Lê Ngọc V2 là anh trai ruột của anh M cho biết, anh M thông qua anh đồng ý ly hôn nhưng muốn nuôi một con chung. Chính quyền địa phương, Hội phụ nữ xã Đ T, huyện Thanh Thủy xác định chị Q và anh M đã có mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân không còn chung sống cùng nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ, trẻ em.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị Q và anh M đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân được thời gian đã lâu, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không quan tâm, hợp tác hòa giải. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q, xử cho chị được ly hôn anh M là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi.

[2]Về con chung: chị Q và anh M có 02 con chung là cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 09/7/2015 và cháu Lê Hoàng V1, sinh ngày 20/10/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Q. Ly hôn chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không đề nghị anh M cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện hai cháu đang ở với chị Q, có nơi ở ổn định, được chăm sóc khỏe mạnh, học tập tốt. Mặc dù anh M thông qua anh trai Lê Ngọc V2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng một cháu nhưng khi Toà án triệu tập

anh M đến để giải quyết xem xét nguyện vọng về con chung anh M vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX thấy cần giao hai cháu T và V1 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo cuộc sống ổn định tránh thay đổi không có lợi. chị Q không đề nghị anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: chị Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 09/7/2015 và cháu Lê Hoàng V1, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 05/2022 cho đến khi các cháu thành niên. anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005888 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi

hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ T (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Viết Tú